TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/DS-ST
Ngày: 20/01/2026
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Phúc

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án Nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 401/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 397/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 319/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ1 (B).

Địa chỉ: T, A T, phường H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Bé T – Chức vụ: Giám đốc – Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh A theo Quyết định số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024 về việc ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Phước Đ – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân hỗn hợp Phòng Đ1 – Chi nhánh A (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Ông Lý Đại T1 – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân hỗn hợp – Phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại cổ

phần Đ1 – Chi nhánh A (SĐT: 0982.114.077)

Bà Lê Thị Mỹ N – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh A (SĐT: 0918.513.282)

(Theo Giấy ủy quyền số 1518/GUQ-BIDV.AG ngày 27/5/2025).

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ I, ấp M, xã M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12/10/2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (B) và Tờ tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thể hiện:

Bà Bùi Thị H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi Nhánh A theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2021/12499536/HĐTD ngày 25/05/2021 với các nội dung như sau:

- Số tiền vay: 70.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng).

- Mục đích vay vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và tiêu dùng

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: 10.7%/năm (được áp dụng tới ngày 30/9/2021) và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày 01/04 và 01/10 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh.

- Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là: 150% lãi suất cho vay trong hạn *(lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có)* tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

- Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VNĐ/lần chậm trả lãi.

- Phí trả nợ trước hạn : Không.

- Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ

- Lịch trả nợ gốc: Khách hàng cam kết trả nợ gốc cho Ngân hàng trong 60 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) vào ngày 15 hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng là: Từ tháng 06/2021 đến tháng 04/2026 trả số tiền 1.170.000 đồng; Riêng kỳ cuối ngày 25/05/2026 trả số tiền 970.000 đồng.

- Lãi vay được bên vay trả vào ngày 15 định kỳ hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tại kỳ trả nợ gốc lãi ngày 22/07/2024 bà H không thực hiện trả nợ đúng cam kết và Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn gốc lãi cho đến nay. Sau đó Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở việc trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng nhưng bà Bùi Thị H vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 20/01/2026 bà H chỉ trả được cho B tiền nợ gốc là

43.360.114 đồng và 16.910.202 đồng tiền lãi và còn nợ lại Ngân hàng số tiền 31.969.837 đồng (trong đó vốn gốc: 26.639.886 đồng, lãi vay 4.469.474 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 860.477 đồng).

Nay Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Bùi Thị H phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh A đại diện nhận tổng số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 20/01/2026 là: 31.969.837 đồng, trong đó vốn gốc: 26.639.886 đồng, lãi vay 4.469.474 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 860.477 đồng

Buộc bà Bùi Thị H tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/12499536/HĐTD ngày 25/05/2021 trên số dư nợ chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của Toà án ra bản án cho đến ngày thực tế bà Bùi Thị H trả hết nợ gốc và lãi cho B.

Bị đơn – Bà Bùi Thị H: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đến nhà để ghi lời khai nhưng bà H vắng mặt tại nhà nên không ghi được ý kiến của bà H.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh A đại diện nhận số tiền 31.969.837 đồng, trong đó vốn gốc: 26.639.886 đồng, lãi tạm tính đến ngày 20/01/2026 gồm: lãi vay 4.469.474 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 860.477 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/12499536/HĐTD ngày 25/05/2021 cho đến khi tất toán khoản vay cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong trường hợp nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Trong Hợp đồng tín dụng nguyên đơn và bị đơn thống nhất lựa chọn Toà án nhân dân huyện Châu Thành (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 – An Giang) giải quyết tranh chấp. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là Hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

1.2 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Phước Đ vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên ông Đ đã có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn là bà Bùi Thị H vắng mặt, xét thấy bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bà H đã vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng bà vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2021/12499536/HĐTD ngày 25/05/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi Nhánh A – Phòng Đ1 với bà Bùi Thị H và trình bày của đại diện nguyên đơn thì thấy sau khi ký kết hợp đồng và nhận tiền vay 70.000.000 đồng, bà H chỉ trả nợ được cho Ngân hàng tổng số tiền gốc: 43.360.114 đồng và tổng số tiền lãi 16.910.202 đồng, từ ngày 22/07/2024 đến nay bà H không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận do đó bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Theo thỏa thuận thì bà H có trách nhiệm trả lãi và gốc theo đúng thời hạn đã cam kết, nhưng bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và vi phạm hợp đồng, do đó Ngân hàng TMCP Đ1 (B) khởi kiện yêu cầu thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 280, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 do Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh A đại diện nhận số tiền 31.969.837 đồng, trong đó nợ gốc 26.639.886 đồng, lãi vay tạm tính đến ngày 20/01/2026 là 4.469.474 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 860.477 đồng.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng: Căn cứ quy định của pháp luật tại Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 do Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh A đại diện nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Do bị đơn bà Bùi Thị H có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền 31.969.837 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 40, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Đ1 (B):

- Buộc bà Bùi Thị H phải trả một lần cho Ngân hàng TMCP Đ1 (B) do Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh A đại diện nhận tổng số tiền 31.969.837 (Ba mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi chín ngàn, tám trăm ba mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc 26.639.886 đồng, lãi vay tạm tính đến ngày 20/01/2026 là 4.469.474 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 860.477 đồng.

- Kể từ ngày 21/01/2026, bà Bùi Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2021/12499536/HĐTD ngày 25/05/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- *Về án phí:*

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 (B) do Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh A đại diện nhận số tiền 774.000 đồng (Bảy trăm, bảy mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006933 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

+ Bị đơn bà Bùi Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.598.492 đồng (Một triệu, năm trăm chín mươi tám ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng).

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Phòng THA dân sự khu vực 10 - An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh